

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2018/HNGĐ-ST
Ngày 11/01/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Hồng Giang - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Lý

2. Ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 207/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST-NHGD ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức C, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Vy Thị H, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm M, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Đức C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Vy Thị H ngày 20/12/2007. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu, thỏa thuận tự nguyện và sau đó có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện S. Cưới xong, anh chị đoàn tụ ngay và ở tại xã A, huyện S. Đến năm 2012 thì gia đình anh chuyển về ở tại xã T, huyện Y. Từ năm 2010, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh chị sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Do kinh tế gia đình khó khăn nên chị H đi xuất khẩu lao động từ năm 2011 đến năm 2017 thì chị về nước. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị về quê để sinh sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Đức L, sinh ngày 19/5/2008. Con chung ở với anh từ nhỏ, đời sống và học hành được đảm bảo. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Chị Vy Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời khai của anh C về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2008. Nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hơn thế, anh C còn đánh đập chị. Thời gian chị đi xuất khẩu lao động, anh C ở nhà còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Anh chị sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn theo đề nghị của anh C.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Đức L, sinh ngày 19/5/2008. Hiện nay, con chung đang ở với anh C. Ly hôn chị có nguyện vọng

được nuôi con chung. Nếu được nuôi con chung chị cũng không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị thống nhất như lời khai của anh C và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trước phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng các bên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng xác định: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, VKS không có kiến nghị gì. Đối với các đương sự cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật quy định nên đại diện VKSND huyện không có kiến nghị gì.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án, đại diện VKSND huyện đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 55 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức C và chị Vy Thị H.

2- Về con chung: Giao cho anh Trần Đức C được nuôi con chung là Trần Đức L, sinh ngày 19/5/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện còn đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Vụ án này, Nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] - Về quan hệ hôn nhân: Do anh C và chị H khi kết hôn đã tuân thủ các điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hôn nhân hợp pháp. Theo Giấy chứng nhận kết hôn thì anh chị kết hôn ngày 25/7/2008 (tổ chức cưới hỏi trước và đăng ký kết hôn sau). Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hơn thế, anh C còn đánh đập chị H. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Qua sự thừa nhận của hai bên, Hội đồng xét xử thấy: Anh C và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc hai bên thỏa thuận thuận tình ly hôn cần được công nhận theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Anh C và Chị H có một con chung là Trần Đức L, sinh ngày 19/5/2008. Con chung vẫn đang ở với anh C. Khi ly hôn cả anh C và chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Song, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế con chung ở với anh C từ nhỏ đến nay, bản thân chị H hiện không có công việc và chỗ ở ổn định. Qua các biên bản xác minh có trong hồ sơ và sự thừa nhận của hai bên tại phiên tòa thì phía anh C có điều kiện nuôi con hơn chị H. Hiện nay, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học lớp 4A trường tiểu học xã T.

Vì vậy, để đảm bảo về mọi mặt của con chung cũng như ổn định cuộc sống của con chung, HĐXX thấy cần giao cho anh C tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với thực tế và có căn cứ.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] - Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]- Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Án dụng các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 150, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 55, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức C và chị Vy Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đức C được nuôi con chung Trần Đức L, sinh ngày 19/5/2008. Tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Đức C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0002512 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh C đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Hồng Giang